

DOI: 10.58490/ctump.2025i92.4230

**THẨM ĐỊNH BỘ CÔNG CỤ ĐO LƯỜNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG
ĐẾN THÀNH TÍCH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN Y HỌC CỔ TRUYỀN
TẠI ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Lê Hoàng Minh Quân, Nguyễn Thị Đoàn, Nguyễn Nguyễn Ngọc**

Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

**Email: nguyennngoc@ump.edu.vn*

Ngày nhận bài: 14/9/2025

Ngày phản biện: 21/10/2025

Ngày duyệt đăng: 25/10/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Thành tích học tập của sinh viên y khoa chịu tác động bởi đa yếu tố phức tạp. Tuy nhiên, tại Việt Nam hiện thiếu các công cụ đo lường được chuẩn hóa để đánh giá các yếu tố này, đặc biệt đối với đối tượng đặc thù như sinh viên Y học cổ truyền. **Mục tiêu nghiên cứu:** Nghiên cứu nhằm thẩm định độ tin cậy nhất quán nội tại và cấu trúc nhân tố của bộ công cụ đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 822 sinh viên Y học cổ truyền tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 03/2025 đến 07/2025. Bộ công cụ gồm 10 thang đo sơ bộ được đánh giá thông qua hệ số Cronbach's Alpha và Phân tích Nhân tố Khám phá (EFA) với phép xoay Varimax. **Kết quả:** Kết quả thẩm định cho thấy bộ công cụ có độ tin cậy cao, với hệ số Cronbach's Alpha của 10 thang đo dao động từ 0,735 đến 0,924. Phân tích EFA trích xuất được 10 nhân tố, giải thích 67,52% phương sai tích lũy. Các biến quan sát hội tụ tốt, tuy nhiên thang đo "Phương pháp học tập" phân tách thành hai thành phần cấu trúc riêng biệt phản ánh các khía cạnh khác nhau của chiến lược học tập. **Kết luận:** Bộ công cụ đã được thẩm định đảm bảo các yêu cầu về độ tin cậy và tính hợp lệ cấu trúc, phù hợp để sử dụng trong các nghiên cứu giáo dục y khoa tại Việt Nam.

Từ khóa: Thẩm định thang đo, Cronbach's alpha, phân tích nhân tố, giáo dục y khoa, thành tích học tập.

ABSTRACT

**VALIDATION OF AN INSTRUMENT TO MEASURE FACTORS
AFFECTING THE ACADEMIC PERFORMANCE OF TRADITIONAL
MEDICINE STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF MEDICINE
AND PHARMACY, HO CHI MINH CITY**

*Le Hoang Minh Quan, Nguyen Thi Doan, Nguyen Nguyen Ngoc**

University of Medicine and Pharmacy Ho Chi Minh City

Background: Academic performance in medical students is influenced by complex multifactorial elements. However, there is a lack of standardized instruments in Vietnam to evaluate these factors, particularly for Traditional Medicine students. **Objectives:** To validate the internal consistency reliability and factor structure of an instrument measuring factors affecting academic performance. **Materials and methods:** A cross-sectional study was conducted on 822 Traditional Medicine students at the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City from March to July 2025. The instrument, initially comprising 10 scales, was evaluated using Cronbach's Alpha and Exploratory Factor Analysis (EFA) with Varimax rotation. **Results:** The validation results demonstrated high reliability, with Cronbach's Alpha coefficients for the 10 scales ranging from 0.735 to 0.924. EFA extracted 10 factors, explaining 67.52% of the cumulative variance. The observed variables showed good convergence; however, the "Learning Methods" scale split into

two distinct structural components, reflecting different aspects of learning strategies. Conclusion: The validated instrument meets the requirements for reliability and structural validity and is suitable for use in medical education research in Vietnam.

Keywords: Scale validation, Cronbach's alpha, exploratory factor analysis, medical education, academic performance.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục đại học ngày càng cạnh tranh, việc hiểu rõ và cải thiện thành tích học tập của sinh viên đã trở thành ưu tiên hàng đầu. Thành tích học tập không chỉ là thước đo thành công cá nhân mà còn phản ánh chất lượng đào tạo của một tổ chức giáo dục. Đặc biệt, đối với sinh viên y khoa, môi trường học tập có áp lực cao và đòi hỏi khắt khe, dẫn đến tỉ lệ căng thẳng, lo âu và trầm cảm cao hơn đáng kể so với dân số chung tại Việt Nam [1]. Những thách thức về sức khỏe tâm thần này có thể tác động tiêu cực đến kết quả học tập và sự phát triển chuyên môn của sinh viên [2].

Các nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam đã chỉ ra rằng thành công trong học tập là một hiện tượng đa diện, chịu ảnh hưởng bởi một tổ hợp phức tạp các yếu tố [3,4]. Để đảm bảo tính hệ thống trong việc xác định các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu này vận dụng thuyết nhận thức xã hội (Social Cognitive Theory) của Bandura làm cơ sở lý luận. Theo mô hình này, hành vi của con người (ở đây là thành tích học tập) là kết quả của sự tương tác ba chiều giữa: (1) Yếu tố cá nhân (bao gồm Động cơ, Sức khỏe tâm thần, Kiên định...), (2) Yếu tố môi trường (bao gồm Gia đình, Tài chính, Cạnh tranh...), và (3) Hành vi (bao gồm Phương pháp học tập, Kỹ năng tự học). Việc tiếp cận dựa trên khung lý thuyết này giúp các yếu tố được lựa chọn không mang tính rời rạc mà phản ánh bức tranh toàn diện về các tác động đến sinh viên [5, 6].

Để nghiên cứu mối quan hệ phức tạp này, việc sở hữu các công cụ đo lường đáng tin cậy và hợp lệ là yêu cầu tiên quyết. Tuy nhiên, một trong những thách thức lớn nhất tại Việt Nam là sự thiếu hụt nghiêm trọng các bộ công cụ được xây dựng và thẩm định bài bản. Nhiều nghiên cứu hiện nay thường sử dụng các thang đo dịch thuật từ bối cảnh văn hóa phương Tây, một thực hành tiềm ẩn rủi ro về phương pháp luận, vì sự khác biệt văn hóa có thể làm thang đo mất đi tính hợp lệ về mặt cấu trúc khi áp dụng tại Việt Nam [7].

Sự khan hiếm các công cụ "bản địa" đã được chuẩn hóa tạo ra một rào cản lớn, hạn chế chất lượng và khả năng đóng góp của các nghiên cứu định lượng. Trước bối cảnh đó, bài báo này tập trung vào việc thẩm định các thuộc tính của một bộ công cụ được thiết kế chuyên biệt để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập của sinh viên Y học cổ truyền. Mục tiêu của nghiên cứu là cung cấp bằng chứng về độ tin cậy nhất quán nội tại và tính hợp lệ cấu trúc của thang đo, tạo tiền đề vững chắc cho việc sử dụng công cụ này trong các nghiên cứu giáo dục y khoa trong nước.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng mục tiêu của nghiên cứu là các sinh viên đang theo học hệ chính quy ngành Y học cổ truyền từ năm thứ nhất đến năm thứ sáu tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu và điền đầy đủ thông tin vào bộ câu hỏi.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Mẫu nghiên cứu được thu thập theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

- **Cỡ mẫu:** Tổng cộng có 822 sinh viên đã hoàn thành bảng hỏi khảo sát hợp lệ. Kích thước mẫu này thỏa mãn điều kiện $N > 500$), tạo độ tin cậy cao cho việc thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang từ 10/03/2025 đến 22/07/2025 tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Công cụ đo lường:** Bộ công cụ được sử dụng trong nghiên cứu này là thang đo tự điền được phát triển dựa trên khung lý thuyết nhận thức xã hội và tổng quan các nghiên cứu liên quan [5, 6]. Bộ công cụ bao gồm 10 thang đo sơ bộ đo lường 10 khái niệm cấu thành: (1) Kỹ năng tự học, (2) Động cơ học tập, (3) Phương pháp học tập, (4) Sức khỏe tâm thần và thể chất, (5) Kiên định trong học tập, (6) Cạnh tranh trong học tập, (7) Hỗ trợ tài chính, (8) Môi trường gia đình, (9) Truyền thống giáo dục, và (10) Kỳ vọng gia đình. Các mục hỏi (items) được đánh giá bằng thang đo Likert 7 điểm (1 = Hoàn toàn không đồng ý đến 7 = Hoàn toàn đồng ý).

- **Quy trình thu thập dữ liệu:** Bảng hỏi khảo sát đã được triển khai đến các sinh viên tại trường. Quy trình tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y học. Việc tham gia là hoàn toàn tự nguyện và mọi thông tin cá nhân đều được mã hóa để đảm bảo tính ẩn danh.

- **Phân tích dữ liệu:** Dữ liệu được làm sạch và phân tích bằng phần mềm thống kê Stata 17.0. Quy trình thẩm định các thuộc tính tâm lý đo lường bao gồm hai bước chính:

1. Đánh giá độ tin cậy nhất quán nội tại: Sử dụng hệ số Cronbach's Alpha. Thang đo được đánh giá là đạt yêu cầu khi hệ số Cronbach's Alpha $\geq 0,7$ và hệ số tương quan biến - tổng $\geq 0,3$.

2. Đánh giá tính hợp lệ cấu trúc: Sử dụng Phân tích Nhân tố Khám phá (EFA) với phương pháp trích Principal Component Analysis (PCA) và phép xoay Varimax. Các tiêu chí chấp nhận sự phù hợp của mô hình bao gồm:

+ Hệ số Kaiser-Meyer-Olkin (KMO) nằm trong khoảng $0,5 \leq KMO \leq 1$.

+ Kiểm định Bartlett về tính cầu có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

+ Dựa trên tiêu chuẩn Kaiser, các nhân tố được giữ lại khi có giá trị riêng (Eigenvalue) ≥ 1 .

+ Tổng phương sai trích (Total Variance Explained) $\geq 50\%$.

+ Các biến quan sát được coi là có ý nghĩa thực tiễn khi hệ số tải nhân tố (Factor Loading) $\geq 0,5$.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu đã được sự chấp thuận của hội đồng đạo đức của Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh số 2584/ĐHYD-HĐĐĐ ngày 19/06/2025.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu (N=822)

Đặc điểm	Phân loại	Tần số	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	285	34,67
	Nữ	537	65,33
Lớp	Năm 6	105	12,77
	Năm 5	155	18,86

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 92/2025

Đặc điểm	Phân loại	Tần số	Tỉ lệ (%)
	Năm 4	137	16,67
	Năm 3	152	18,49
	Năm 2	140	17,03
	Năm 1	133	16,18
Kết quả học tập học kỳ I	Xuất sắc	65	7,91
	Giỏi	223	27,13
	Khá	423	51,46
	Trung bình	90	10,95
	Yếu	21	2,55
Trung bình chung học tập	Xuất sắc	15	1,82
	Giỏi	127	15,45
	Khá	546	66,42
	Trung bình	119	14,48
	Yếu	15	1,82
Dân tộc	Kinh	764	92,94
	Hoa	28	3,41
	Khác	30	3,65

Nhận xét: Mẫu nghiên cứu bao gồm 822 sinh viên, trong đó nữ giới chiếm tỉ lệ đa số (65,33%) và phần lớn thuộc dân tộc Kinh (92,94%). Sự phân bố sinh viên giữa các năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ sáu) tương đối đồng đều, đảm bảo tính đại diện cho các giai đoạn đào tạo. Về kết quả học tập, phần lớn sinh viên tham gia khảo sát có học lực ở mức Khá, thể hiện qua điểm học kỳ gần nhất (51,46%) và điểm trung bình chung tích lũy (66,42%).

3.2. Phân tích độ tin cậy của thang đo

Bảng 2. Kết quả phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha cho 10 thang đo

Tên nhân tố	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha (α)	Đánh giá Độ tin cậy
1. Kỹ năng tự học	5	0,8894	Tốt
2. Động cơ học tập	7	0,8507	Tốt
3. Phương pháp học tập	8	0,8801	Tốt
4. Sức khỏe tâm thần và thể chất	4	0,7839	Chấp nhận được
5. Kiên định trong học tập	5	0,8549	Tốt
6. Cạnh tranh trong học tập	4	0,9244	Rất tốt
7. Hỗ trợ tài chính	3	0,9184	Rất tốt
8. Môi trường gia đình	3	0,8751	Tốt
9. Truyền thống giáo dục	4	0,7353	Chấp nhận được
10. Kỳ vọng gia đình	2	0,8036	Tốt

Nhận xét: Kết quả đánh giá độ tin cậy cho thấy tất cả 10 thang đo đều đạt yêu cầu, với hệ số Cronbach's Alpha đều vượt ngưỡng khuyến nghị 0,7 (dao động từ 0,7353 đến 0,9244). Các thang đo "Cạnh tranh trong học tập" và "Hỗ trợ tài chính" thể hiện độ nhất quán nội tại đặc biệt cao ($> 0,9$), cho thấy các biến quan sát trong nhóm này có mức độ liên kết chặt chẽ và cùng đo lường một khái niệm đồng nhất.

3.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) và tính hợp lệ cấu trúc

Kiểm định KMO và Bartlett cho thấy dữ liệu hoàn toàn phù hợp để thực hiện phân tích nhân tố, với hệ số KMO đạt 0,928 (thỏa mãn điều kiện $0,5 \leq KMO \leq 1$) và kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê cao ($\chi^2=21695,193, p<0,001$).

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 92/2025

Bảng 3. Kết quả EFA – Ma trận nhân tố xoay

Biến quan sát	Môi trường & Truyền thống gia đình	Động cơ học tập	Kỹ năng tự học	Phương pháp học tập - Chiến lược siêu nhận thức	Cạnh tranh học tập	Kiên định học tập	Sức khỏe tâm thần & thể chất	Hỗ trợ tài chính	Kỳ vọng gia đình	Phương pháp học tập - Kỹ thuật thực hành
mtgd_2	0,8388									
mtgd_3	0,7944									
mtgd_1	0,7744									
ttgd_4	0,7697									
ttgd_3	0,7521									
ttgd_1	0,5536									
dcht_2		0,8217								
dcht_4		0,8091								
dcht_3		0,7268								
dcht_1		0,6815								
dcht_5		0,6493								
dcht_7		0,5920								
knth_5			0,7668							
knth_1			0,7647							
knth_3			0,7549							
knth_4			0,7412							
knth_2			0,7295							
ppht_4				0,7536						
ppht_2				0,7303						
ppht_1				0,7200						
ppht_3				0,6634						
ppht_5				0,6079						
ctht_2					0,8357					
ctht_3					0,8348					
ctht_4					0,8111					
ctht_1					0,7926					
kdht_4						0,7031				
kdht_1						0,6671				
kdht_5						0,6658				
kdht_3						0,6649				
kdht_2						0,6295				
sktptt_2							0,8241			
sktptt_4							0,7497			
sktptt_1							0,7344			
httc_2								0,8581		
httc_1								0,8433		
httc_3								0,7975		
kvgd_1									0,8612	

Biến quan sát	Môi trường & Truyền thống gia đình	Động cơ học tập	Kỹ năng tự học	Phương pháp học tập - Chiến lược siêu nhận thức	Cạnh tranh học tập	Kiên định học tập	Sức khỏe tâm thần & thể chất	Hỗ trợ tài chính	Kỳ vọng gia đình	Phương pháp học tập - Kỹ thuật thực hành
kvgd_2									0,8119	
ppht_7										0,6072
ppht_8										0,5776
ppht_6										0,5186

Ghi chú: Phương pháp trích xuất: Principal Component Analysis. Phương pháp xoay: Varimax với Kaiser Normalization. Hệ số tải nhân tố < 0.4 đã được ẩn để tăng tính rõ ràng.

Nhận xét: Phân tích EFA với phép xoay Varimax đã trích xuất được 10 nhân tố với giá trị Eigenvalue > 1, giải thích được 67,52% tổng phương sai của dữ liệu. Về cấu trúc, đa số các thang đo đều đảm bảo tính đơn hướng với các biến quan sát hội tụ gọn gàng vào nhân tố dự kiến. Tuy nhiên, riêng thang đo "Phương pháp học tập" có sự phân tách thành hai thành phần cấu trúc: nhân tố chính (Nhân tố 4) bao gồm các biến liên quan đến chiến lược học tập và nhân tố phụ (Nhân tố 10) tập trung vào các kỹ thuật thực hành cụ thể. Các hệ số tải nhân tố của 42/45 biến giữ lại đều đạt ngưỡng > 0,5, đảm bảo giá trị hội tụ và phân biệt của bộ công cụ sau khi điều chỉnh cấu trúc.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Độ tin cậy và tính hợp lệ của bộ công cụ

Phát hiện cốt lõi của nghiên cứu là bộ công cụ đo lường đã thể hiện các đặc tính tâm lý học đo lường rất tốt. Tất cả 10 thang đo đều đạt độ tin cậy nhất quán nội tại từ mức chấp nhận được đến xuất sắc, với hệ số Cronbach's Alpha dao động từ 0,7353 đến 0,9244. Ngưỡng $\alpha \geq 0,7$ được xem là tiêu chuẩn vàng trong các nghiên cứu khoa học xã hội, cho thấy các mục hỏi trong mỗi thang đo đều đo lường một cách nhất quán cho cùng một khái niệm lý thuyết [8].

Bên cạnh độ tin cậy, tính hợp lệ về cấu trúc của bộ công cụ cũng được khẳng định mạnh mẽ thông qua phân tích nhân tố khám phá. Các chỉ số kiểm định (KMO = 0,928; Bartlett $p < 0,001$) đều thỏa mãn điều kiện tốt.

Một điểm đặc biệt trong kết quả EFA là cấu trúc của thang đo "Phương pháp học tập". Mặc dù giả thuyết ban đầu coi đây là một khái niệm đơn nhất, dữ liệu thực nghiệm đã chỉ ra sự phân tách thành hai thành phần cấu trúc riêng biệt (Nhân tố 4 và Nhân tố 10). Quan sát nội dung các biến cho thấy Nhân tố 4 tập trung vào các chiến lược siêu nhận thức (lập kế hoạch, tự đánh giá), trong khi Nhân tố 10 phản ánh các kỹ thuật học tập cụ thể (ghi chép, ôn tập) [9]. Sự phân tách này là hợp lý về mặt sự phạm và phù hợp với mô hình lý thuyết của Bandura về tính đa diện của hành vi [6], cho thấy đối với sinh viên Y khoa, tư duy chiến lược và kỹ năng thực hành là hai cấu trúc tâm lý độc lập nhưng bổ trợ cho nhau.

Thứ nhất, nhân tố 4 (bao gồm các biến quan sát về lập kế hoạch, tự đánh giá, quản lý thời gian) đại diện cho chiến lược siêu nhận thức. Đây là năng lực "quản lý việc học" - khả năng sinh viên tự giám sát và điều chỉnh quá trình nhận thức của mình. Trong bối cảnh

đào tạo Y học cổ truyền với khối lượng kiến thức đồ sộ và thời gian đào tạo dài, năng lực này đóng vai trò then chốt giúp sinh viên không bị ngợp trước áp lực chương trình.

Thứ hai, nhân tố 10 (bao gồm các biến về ghi chép, ôn tập, tóm tắt) phản ánh các chiến lược nhận thức bề mặt hoặc kỹ thuật học tập cụ thể. Đây là các thao tác thực hành trực tiếp để xử lý thông tin. Đối với sinh viên Y học cổ truyền, việc ghi nhớ tên thuốc, huyết vị, bài thuốc đòi hỏi sự vận dụng thường xuyên các kỹ thuật này.

Sự phân tách này hoàn toàn tương thích với các mô hình lý thuyết kinh điển về tự điều chỉnh trong học tập của Pintrich, vốn luôn phân biệt rõ giữa quá trình điều hành (lập kế hoạch/giám sát) và quá trình thực hành (các chiến lược ghi nhớ/hiểu) [9]. Kết quả này gợi ý rằng, một sinh viên có thể rất chăm chỉ ghi chép (Nhân tố 10 cao) nhưng chưa chắc đã biết cách lập kế hoạch hiệu quả (Nhân tố 4 thấp), và ngược lại. Do đó, việc bộ công cụ tách biệt được hai khía cạnh này sẽ giúp các nhà giáo dục có cái nhìn chẩn đoán chính xác hơn về điểm mạnh và điểm yếu trong thói quen học tập của sinh viên, từ đó đưa ra các can thiệp sự phạm trúng đích hơn.

4.2. Đặc điểm của sinh viên Y học cổ truyền qua kết quả thang đo

Kết quả thăm định cũng cho thấy những đặc điểm tâm lý đặc thù của đối tượng nghiên cứu. Đáng chú ý, thang đo "Cạnh tranh trong học tập" ($\alpha = 0,9244$) và "Hỗ trợ tài chính" ($\alpha = 0,9184$) đạt độ tin cậy cao nhất trong bộ công cụ. Điều này phản ánh một thực tế rằng áp lực cạnh tranh và gánh nặng tài chính là những trải nghiệm rất rõ nét và đồng nhất trong cộng đồng sinh viên Y học cổ truyền.

Thứ nhất, về áp lực cạnh tranh, kết quả này hoàn toàn tương thích với các nghiên cứu trước đây tại Việt Nam. Nghiên cứu của Trần Thị Ly và cộng sự (2021) trên sinh viên Y dược đã chỉ ra tỉ lệ căng thẳng ở sinh viên năm cuối lên tới 38,5%, và một nghiên cứu khác của Trần Thị Hoàng Yến và cộng sự (2023) thậm chí ghi nhận tỉ lệ căng thẳng chung lên đến 78,2% [10, 11]. Đối với sinh viên Y học cổ truyền, áp lực này còn được khu đại bởi đặc thù chương trình đào tạo "kép": sinh viên phải làm chủ cả khối kiến thức Y học hiện đại lẫn hệ thống lý luận Y học cổ truyền phức tạp (âm dương, ngũ hành, huyết vị...). Khối lượng kiến thức khổng lồ này, cộng với cuộc đua gay gắt để giành các suất thực tập và chỉ tiêu nội trú hạn hẹp, đã khiến "cạnh tranh" trở thành một hằng số trong đời sống sinh viên.

Thứ hai, về yếu tố tài chính, độ tin cậy cao của thang đo này gợi ý rằng gánh nặng kinh tế là mối quan tâm thường trực. Điều này phù hợp với phát hiện của Tiên Nam và cộng sự (2024), trong đó "gánh nặng tài chính" được xác định là một trong những yếu tố dự báo tiêu cực đến chỉ số hạnh phúc và kết quả học tập của sinh viên đại học tại Việt Nam [12]. Với thời gian đào tạo kéo dài 6 năm, chi phí cơ hội và chi phí sinh hoạt tạo ra một áp lực tích lũy lớn, đòi hỏi sinh viên phải có sự "Kiên định" ($\alpha = 0,8549$) rất cao để theo đuổi nghề nghiệp.

Cuối cùng, các thang đo liên quan đến gia đình ("Môi trường gia đình", "Kỳ vọng gia đình") cũng cho thấy độ tin cậy tốt, tái khẳng định vai trò của văn hóa Á Đông trong giáo dục y khoa. Theo lý thuyết Nho giáo vốn ảnh hưởng sâu sắc tại Việt Nam, sự kỳ vọng của cha mẹ thường gắn liền với danh dự gia đình và lòng hiếu thảo [13]. Một nghiên cứu về sức khỏe tâm thần học sinh sinh viên Việt Nam đã chỉ ra rằng kỳ vọng quá lớn từ gia đình là một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến trầm cảm và lo âu [14]. Do đó, việc bộ công cụ nắm bắt nhạy bén các yếu tố này chứng tỏ nó phù hợp với bối cảnh văn hóa - xã hội bản địa, điều mà các thang đo phương Tây thường bỏ qua.

4.3. Ý nghĩa và hạn chế

Về mặt thực tiễn, bộ công cụ này có thể được các nhà nghiên cứu sử dụng trong các khảo sát quy mô lớn, hoặc được các nhà quản lý giáo dục áp dụng như một công cụ "chẩn đoán" sớm để xác định các nhóm sinh viên có nguy cơ, từ đó xây dựng các chương trình hỗ trợ kịp thời. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn có một số hạn chế. Mẫu nghiên cứu chỉ được thu thập tại một cơ sở đào tạo và trong một chuyên ngành, điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng khái quát hóa kết quả. Các nghiên cứu trong tương lai nên mở rộng việc thẩm định bộ công cụ này trên các mẫu đa dạng hơn.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã thẩm định thành công một bộ công cụ đa diện, bao gồm 10 thang đo, để đo lường các yếu tố tâm lý-xã hội và môi trường ảnh hưởng đến thành tích học tập của sinh viên trong bối cảnh Việt Nam. Các phân tích đã cung cấp bằng chứng vững chắc về độ tin cậy nhất quán nội tại và tính hợp lệ về mặt cấu trúc của bộ công cụ.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn các cá nhân, tập thể trong Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh đã hỗ trợ để thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cap D.M., Nguyen A.Q., & Nguyen T.T. Mental Health of Medical Students After Combating the COVID-19 Epidemic: A Cross-sectional Study in Vietnam. *Journal of preventive medicine and public health Yebang Uihakhoe chi*. 2024. 57(4), 347–355, <https://doi.org/10.3961/jpmpmh.24.108>.
2. Nguyen M.T., Nguyen T.G., Tran T.T.A., Nguyen T.T.N., Le D.D., et al. Network analysis of psychological factors related to academic pressure faced by medical students in the central and highland regions of Vietnam. *Medical education online*. 2022. 27(1), 226-236, <https://doi.org/10.1080/10872981.2021.2007577>.
3. Zhang J., Meng J., & Wen X. The relationship between stress and academic burnout in college students: evidence from longitudinal data on indirect effects. *Frontiers in Psychology*. 2025. 16, 1517-920, <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2025.1517920>.
4. Alyahyan E, Düşteğör D. Predicting academic success in higher education: Literature review and best practices. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*. 2020. 17(1), 1-3, <https://doi.org/10.1186/s41239-020-0177-7>.
5. Guerrero-López J.B., Monterrosas A.M., Reyes-Carmona C., Guerrero A.A., Navarrete-Martínez A., et al. Factors related to academic performance in medical students. *Salud Mental*. 2023. 46(4), 193-200, <https://doi.org/10.17711/sm.0185-3325.2023.024>.
6. Bandura A. *Social Foundations of Thought and Action: A Social Cognitive Theory*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall. 1986.
7. Nguyen M.T.H., Wantonoro W., Nguyen H.X.T., Huynh M.N.T., Nguyen M.T.H., et al. Factors associated with academic motivation in nursing students: A cross-sectional study. *Jurnal Kebidanan Dan Keperawatan Aisyiyah*. 2023. 19(1), 1-14, <https://doi.org/10.31101/jkk.3027>.
8. Truong T.N.N. Vietnamese version of the self-regulated motivation for improving speaking English as a foreign language: validation and speaking score correlations. *Frontiers in Education*. 2025. 10, 1464-608, <https://doi.org/10.3389/feduc.2025.1464608>.
9. Pintrich P.R., Smith D.A., Garcia T., McKeachie W.J. Reliability and predictive validity of the Motivated Strategies for Learning Questionnaire (MSLQ). *Educational and Psychological Measurement*. 1993. 53(3), 801-813. doi:10.1177/0013164493053003024.

10. Trần Thị Ly, Phạm Thị Hoa. Thực trạng stress của sinh viên hệ chính quy năm cuối tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên năm 2020 và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2021. 01(2), 137-150, <https://doi.org/10.51298/vmj.v50i2.518>.
 11. Trần Thị Hoàng Yến, Nguyễn Hồ Hải Anh, Huỳnh Út Giào, Lâm Kim Huy, Điều Rôm và cộng sự. Stress và một số yếu tố liên quan ở sinh viên y khoa trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2022. 54, 31-37, 10.58490/ctump.2022i54.352.
 12. Tien Nam P., Thanh Tung P., Phuong Linh B., Hanh Dung N., & Van Minh H. Happiness among university students and associated factors: A cross-sectional study in Vietnam. *Journal of Public Health Research*. 2024. 13(3), 22799036241272402, 10.1177/22799036241272402.
 13. Xu T, Zuo F, Zheng K. Parental Educational Expectations, Academic Pressure, and Adolescent Mental Health: An Empirical Study Based on CEPS Survey Data. *Int J Ment Health Promot*. 2024. 26(2), 93-103, doi:10.32604/ijmhp.2023.043226.
 14. Báo Lào Cai. Áp lực học tập: 'Sát thủ vô hình' của sức khỏe tinh thần học sinh. 2025. <https://baolaocai.vn/ap-luc-hoc-tap-sat-thu-vo-hinh-cua-suc-khoe-tinh-than-hoc-sinh-post648457.html>.
-